

Số: 41/2025/CV-KĐ

TP. HCM, ngày 13 tháng 6 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền
 - Mã chứng khoán : KDH
 - Địa chỉ : Phòng 1 và 2, Lầu 11 SaiGon Centre, 67 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : 028 3820 8858 Fax: 028 3820 8859
 - Email : info@khangdien.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (“Công ty”) trân trọng công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết số 01/2025/NQ_ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông.

(Chi tiết như Nghị quyết đính kèm)

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/6/2025 tại đường dẫn: <https://www.khangdien.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VTLT

CTCP ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



VƯƠNG VĂN MINH

Số: 07/2025/NQ_HDQT

TPHCM, ngày 13 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ_ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền;
- Căn cứ Biên bản họp số 07/2025/BBH_HDQT ngày 13/6/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền ("**Công ty**" hoặc "**Công ty Khang Điền**").

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành 101.114.256 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01/2025/NQ_ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông, chi tiết như sau:

1. Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền
2. Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng
3. Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành:	1.011.142.565 cổ phiếu
5. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	1.011.142.565 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	101.114.256 cổ phiếu
8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:	1.011.142.560.000 đồng
9. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):	10% tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành (Mỗi cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp sẽ được nhận cổ tức là 10 cổ phiếu mới)
10. Nguồn vốn phát hành:	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tính đến ngày 31/12/2024 theo Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán
11. Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp
12. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ:	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh dưới 01 (một) đơn vị sẽ được hủy bỏ, không được phát hành

13. Thời gian phát hành:	Dự kiến trong Quý III – Quý IV năm 2025, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (" UBCKNN ") có văn bản thông báo nhận được tài liệu báo cáo phát hành của Công ty.
--------------------------	---

Điều 2: Thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành 9.960.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty ("**Chương Trình ESOP**") theo Nghị quyết số 01/2025/NQ_ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông, chi tiết như sau:

1. Tổ chức phát hành:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền
2. Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (<i>Mã chứng khoán: KDH</i>)
3. Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
5. Tổng số cổ phiếu đã phát hành:	1.011.142.565 cổ phiếu
6. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	1.011.142.565 cổ phiếu
7. Tổng số cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	9.960.000 cổ phiếu
9. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:	99.600.000.000 đồng
10. Giá phát hành:	14.000 đồng/cổ phiếu
11. Đối tượng phát hành:	Hội đồng quản trị và người lao động của Công ty và nhóm các Công ty con (" CBNV ")
12. Tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng CBNV:	Tiêu chuẩn người lao động tham gia đợt phát hành dựa vào hai tiêu chí sau: - Chức vụ - Mức độ đóng góp Chi tiết Tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình và nguyên tắc xác định số cổ phiếu phân phối cho từng CBNV được quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty ("Quy chế ESOP")
13. Tỷ lệ phát hành (<i>số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>):	0,985%
14. Thời gian thực hiện:	Dự kiến trong Quý III – Quý IV năm 2025, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (" UBCKNN ") có văn bản thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo phát hành của Công ty.
15. Xử lý số cổ phiếu không phân phối hết:	Sau khi kết thúc thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu, nếu CBNV không mua hết số lượng cổ phiếu phân phối, Hội đồng quản trị (" HDQT ") quyết định tiếp tục phân phối cho Đối tượng phát hành đã được lựa chọn tại mục 11 nêu trên với mức giá không thấp hơn 14.000 đồng/cổ phiếu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật
16. Hạn chế chuyển nhượng:	Cổ phiếu phát hành theo Chương Trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động)
17. Phương thức thanh toán:	Chuyển khoản

3596-
CÔNG TY
PHÂN
KINH DOANH
NHÀ
KANG ĐIỀN
TP. HỒ CHÍ MINH

18. Thông tin Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:	- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền - Số tài khoản: 114.002.913.635 - Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
19. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho Công ty
20. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:	Việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP chỉ phát hành cho đối tượng là người lao động trong nước; do đó, Công ty đảm bảo luôn đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định.
21. Các nội dung khác:	Thực hiện theo Phương án phát hành tại tờ trình số 09/2025/TTr_HĐQT ngày 03/4/2025 đã được thông qua tại Điều 9 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ_ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 về phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty

Điều 3: Thông qua ban hành Quy Chế ESOP, danh sách và số lượng cổ phiếu phân phối cho CBNV đính kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4: Thông qua việc toàn bộ số cổ phiếu phát hành theo Chương Trình ESOP sẽ không được hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu trong đợt chốt danh sách cổ đông theo phương án đã được thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 5: Giao quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc của Công ty ký các văn bản, tài liệu, chứng từ có liên quan và thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tại Điều 1 và Điều 2 nêu trên theo đúng nội dung Nghị quyết này và phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 6: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 7;
- Lưu VTTLT;



Mai Trần Thanh Trang



QUY CHẾ

**PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY THEO NGHỊ QUYẾT SỐ:
01/2025/NQ_ĐHĐCĐ NGÀY 24/4/2025 CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 07/2025/NQ_HĐQT ngày 13/6/2025 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền)*



ĐIỀU 1. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng quản trị (không bao gồm thành viên độc lập HĐQT) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền và người lao động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền và nhóm các Công ty con đã ký kết hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm trở lên tính đến ngày 30/05/2025.

ĐIỀU 2. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Trong Quy chế này, ngoại trừ ngữ cảnh và nội dung thể hiện khác đi, các khái niệm và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- “Quy chế” hoặc “Quy chế ESOP” : Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty
- “Công ty” hoặc “Khang Điền” : Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền
- “Cổ phiếu” : Cổ phiếu của Khang Điền
- “Chương trình ESOP” : Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động thực hiện theo Quy chế này
- “Cổ phiếu ESOP” : Cổ phiếu phát hành theo Chương trình ESOP
- “HĐQT” : Hội Đồng Quản Trị của Khang Điền
- “CBNV” : Hội đồng quản trị và người lao động của Công ty và nhóm các Công ty con
- “UBCKNN” : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

ĐIỀU 3. MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ESOP

Việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP nhằm thu hút, duy trì và tạo động lực để những CBNV có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

1. Đối với CBNV

- Ghi nhận những đóng góp của CBNV, tạo thêm động lực, khuyến khích CBNV cống hiến và đồng hành lâu dài cùng sự phát triển của Công ty;
- Được hưởng lợi ích từ sự tăng trưởng và phát triển của Công ty;
- Xây dựng mối quan hệ bền chặt và gắn bó lâu dài với Công ty.

2. Đối với Công ty

- Thu hút và tạo dựng đội ngũ CBNV có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm; giữ chân đội ngũ nhân tài cốt lõi, xuất sắc của Công ty;
- Cùng cố sự ổn định của đội ngũ nhân sự, là yếu tố nền tảng giúp Công ty duy trì hoạt động ổn định và phát triển lâu dài.

Thông qua Chương trình ESOP, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành để bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho Công ty.

ĐIỀU 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ESOP

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền
2. Tổng số cổ phiếu phát hành: 9.960.000 cổ phiếu
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Giá phát hành: 14.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 99.600.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành: HĐQT và người lao động của Công ty và nhóm các Công ty con
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành theo Chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (*ngày kết thúc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động*).

ĐIỀU 5. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ PHÁT HÀNH

- Giá trị sổ sách trên mỗi Cổ phiếu là: 17.203 đồng/cổ phiếu (căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 của Công ty).

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV) = Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đồng/(Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ)	(3)/(6)	17.203	đồng/cổ phiếu
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>(1)</i>	<i>19.453.433.584.000</i>	<i>đồng</i>
<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>(2)</i>	<i>2.058.757.669.000</i>	<i>đồng</i>
Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông	(3)=(1-2)	17.394.675.915.000	đồng
<i>Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành</i>	<i>(4)</i>	<i>1.011.142.565</i>	<i>cổ phiếu</i>
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>(5)</i>	<i>0</i>	<i>cổ phiếu</i>
Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ	(6)=(4-5)	1.011.142.565	cổ phiếu

- Giá phát hành: Nhằm khuyến khích và ghi nhận những đóng góp của CBNV tham gia Chương trình ESOP, giá phát hành Cổ phiếu ESOP cho CBNV là 14.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn 18,62% so với giá trị sổ sách của Công ty.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KIỆN KÈM THEO CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

CBNV mua Cổ phiếu ESOP được xem là đồng ý với điều kiện kèm theo dưới đây cùng tất cả các quy định khác có liên quan của Công ty, bao gồm những nội dung sau:

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng Cổ phiếu ESOP theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Quy chế này, bao gồm cả việc hạn chế tặng, cho, góp vốn, dùng làm phần thưởng hoặc bất kỳ hình thức nào khác có thể dẫn đến việc thay đổi người sở hữu cổ phiếu.
- CBNV được mua/được phân phối Cổ phiếu ESOP không được chuyển nhượng quyền mua Cổ phiếu ESOP cho bất kỳ tổ chức, cá nhân khác.
- CBNV mua Cổ phiếu ESOP tự chịu trách nhiệm nộp tất cả các khoản thuế, phí (nếu có), thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh liên quan đến Cổ phiếu ESOP theo quy định pháp luật.
- Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, đối với các quyền phát sinh từ cổ phiếu phát hành theo Quy chế ESOP này, CBNV không bị hạn chế khi thực hiện các quyền dưới bất kỳ hình thức nào đối với các trường hợp gồm: (i) thực hiện quyền bỏ phiếu, tham dự Đại hội đồng cổ đông, được lấy ý kiến bằng văn bản; (ii) thực hiện quyền nhận cổ tức, cổ phiếu thưởng và (iii) thực hiện quyền mua chứng khoán.
- Công ty không đưa ra bất kỳ cam kết nào, dù dưới hình thức văn bản hay hàm ý về việc bảo đảm giá trị cổ phiếu, sự pha loãng cổ phiếu xảy ra trước và sau khi phát hành cổ phiếu ESOP theo Quy chế này. CBNV có trách nhiệm tìm hiểu thông tin và được quyền quyết định từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng Cổ phiếu ESOP được phân bổ.

ĐIỀU 7. TIÊU CHUẨN NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP

Cơ sở xây dựng tiêu chuẩn đánh giá từng CBNV thuộc đối tượng của Chương trình ESOP dựa theo hai tiêu chí:

1. Tiêu chí 1: Phân bổ theo chức vụ;
2. Tiêu chí 2: Phân bổ theo mức độ đóng góp.

ĐIỀU 8. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH SỐ CỔ PHIẾU PHÂN PHỐI CHO TỪNG CBNV

1. Số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng CBNV được tính như sau
Số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng CBNV = Số lượng cổ phiếu phân bổ theo chức vụ (Tiêu chí 1) + Số lượng cổ phiếu phân bổ theo mức độ đóng góp (Tiêu chí 2)
2. Nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho từng CBNV

2.1. Tiêu chí 1: Phân bổ theo chức vụ

- Số lượng cổ phiếu được phân bổ theo chức vụ của từng CBNV tính đến ngày 30/05/2025;
- Các nhóm chức vụ gồm có:
 - Hội đồng quản trị;
 - Ban Tổng Giám đốc;
 - Kế toán trưởng/Giám đốc/Phó Giám đốc,
 - Trưởng phòng/Phó phòng;
 - Chuyên viên/Nhân viên.

Theo đó, mỗi CBNV sẽ có số lượng cổ phiếu được phân bổ tương ứng theo từng chức vụ như sau:

STT	Chức vụ	Tiêu chí 1 Số lượng cổ phiếu phân bổ cố định theo chức vụ
1	Hội đồng Quản trị	500.000 cổ phiếu/người
2	Ban Tổng Giám đốc	400.000 cổ phiếu/người
3	Kế toán trưởng/Giám đốc/Phó Giám đốc	
	Kế toán trưởng	300.000 cổ phiếu/người
	Giám đốc	50.000 cổ phiếu/người
	Phó Giám đốc	30.000 cổ phiếu/người
4	Trưởng Phòng/Phó Phòng	
	Trưởng Phòng	20.000 cổ phiếu/người
	Phó Phòng	15.000 cổ phiếu/người
5	Chuyên viên/Nhân viên	
	Chuyên viên	8.000 cổ phiếu/người
	Nhân viên	5.000 cổ phiếu/người

2.2. Tiêu chí 2 – Phân bổ theo mức độ đóng góp

- Phân bổ theo mức độ đóng góp căn cứ trên kết quả đánh giá hiệu quả công việc của từng CBNV năm 2024;
- **Số lượng phân bổ theo mức độ đóng góp = Điểm đóng góp (a) * Số lượng cổ phiếu phân bổ cho 01 điểm đóng góp (b)**

Theo đó, mỗi CBNV sẽ được phân bổ số lượng cổ phiếu tương ứng với mức độ đóng góp như sau:

STT	Chức vụ	Tiêu chí 2 Số lượng cổ phiếu phân bổ theo mức độ đóng góp	
		Điểm đóng góp (a)	Số lượng cổ phiếu phân bổ cho 01 điểm đóng góp (b)
1	Hội đồng Quản trị	Điểm đóng góp theo khung điểm từ 0 đến 10 điểm	100.000 cổ phiếu/người
2	Ban Tổng Giám đốc		50.000 cổ phiếu/người
3	Kế toán trưởng/Giám đốc/Phó Giám đốc		
	Kế toán trưởng		40.000 cổ phiếu/người
	Giám đốc		15.000 cổ phiếu/người
	Phó Giám đốc		12.000 cổ phiếu/người
4	Trưởng Phòng/Phó Phòng		
	Trưởng Phòng		4.000 cổ phiếu/người
	Phó Phòng		2.000 cổ phiếu/người
5	Chuyên viên/Nhân viên		
	Chuyên viên		1.000 cổ phiếu/người
	Nhân viên		500 cổ phiếu/người

ĐIỀU 9. XỬ LÝ CỔ PHIẾU KHÔNG PHÂN PHỐI HẾT

Sau khi kết thúc thời hạn đăng ký và nộp tiền mua Cổ phiếu ESOP, nếu CBNV không mua hết số lượng Cổ phiếu ESOP được phân phối, HĐQT quyết định tiếp tục phân phối cho đối tượng phát hành được nêu tại Khoản 7, Điều 4 Quy chế này với mức giá không thấp hơn 14.000 đồng/cổ phiếu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. THỦ TỤC THỰC HIỆN

- Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành Cổ phiếu ESOP theo quy định của pháp luật.
- CBNV tham gia Chương trình ESOP có trách nhiệm đọc, hiểu rõ, tuân thủ quy định của pháp luật và của Quy chế này;
- CBNV đăng ký mua Cổ phiếu ESOP sẽ thực hiện đúng quy định theo thông báo của Công ty.
- Công ty báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật, đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam; đăng ký thay đổi niêm yết với Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung liên quan vốn điều lệ trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty theo quy định.

ĐIỀU 11. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Dự kiến thời gian thực hiện phát hành cổ phiếu ESOP trong Quý III – Quý IV năm 2025, sau khi UBCKNN có văn bản thông báo nhận được tài liệu báo cáo phát hành của Công ty.

ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

CBNV không đăng ký và nộp tiền mua Cổ phiếu ESOP theo thông báo của Công ty được xem như tự nguyện từ bỏ quyền mua Cổ phiếu ESOP được phân bổ theo Quy chế này. HĐQT có trách nhiệm xem xét, giải quyết các khiếu nại phát sinh từ việc thực hiện Quy chế này. Trong mọi trường hợp, quyết định giải quyết khiếu nại của HĐQT là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 13. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG QUY CHẾ

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình ESOP, HĐQT có toàn quyền sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế này theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo theo đúng chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết số 01/2025/NQ_ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025.

ĐIỀU 14. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Quy chế này gồm 14 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty, Khối/Phòng/Ban, CBNV và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.



Mai Trần Thanh Trang



DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC THAM GIA ĐỢT PHÁT HÀNH
THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2025/NQ_HĐQT ngày 13/6/2025
của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền)

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
					ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	
				(1)	(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	(3) = (1) + (2)
1	Mai Trần Thanh Trang		Chủ tịch HĐQT	500.000	7	100.000	700.000	1.200.000
2	Lý Điền Sơn		Phó Chủ tịch HĐQT	500.000	6	100.000	600.000	1.100.000
3	Vương Văn Minh		HĐQT + TGD	500.000	5	100.000	500.000	1.000.000
4	Lê Hoàng Khởi		Phó TGD	400.000	7	50.000	350.000	750.000
5	Nguyễn Thùy Dương		Phó TGD	400.000	7	50.000	350.000	750.000
6	Đặng Thị Thùy Trang		Kế toán trưởng	300.000	8	40.000	320.000	620.000
7	Phạm Minh Nhựt		Giám đốc	50.000	10	15.000	150.000	200.000
8	Ngô Thị Thanh Tâm		Giám đốc	50.000	6	15.000	90.000	140.000
9	Huỳnh Chí Tâm		Giám đốc	50.000	5	15.000	75.000	125.000
10	Lý Tuấn Kiệt		Giám đốc	50.000	5	15.000	75.000	125.000
11	Đỗ Duy Long		Giám đốc	50.000	4	15.000	60.000	110.000
12	Phạm Tuyết Trinh		Giám đốc	50.000	3	15.000	45.000	95.000



Handwritten signature.

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
					ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	
				(1)	(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	(3) = (1) + (2)
13	Ca Hồ Anh Thư		Phó Giám đốc	30.000	7	12.000	84.000	114.000
14	Nguyễn Phi Hùng		Phó Giám đốc	30.000	6	12.000	72.000	102.000
15	Vũ Thị Ái Quyên		Phó Giám đốc	30.000	6	12.000	72.000	102.000
16	Đặng Thị Cẩm Dung		Phó Giám đốc	30.000	6	12.000	72.000	102.000
17	Trần Thị Tiến Thanh		Phó Giám đốc	30.000	6	12.000	72.000	102.000
18	Nguyễn Thị Thu Hiền		Phó Giám đốc	30.000	6	12.000	72.000	102.000
19	Nguyễn Ngọc Anh		Phó Giám đốc	30.000	5	12.000	60.000	90.000
20	Hồ Văn Huy Cường		Phó Giám đốc	30.000	3	12.000	36.000	66.000
21	Võ Thị Thúy Lan		Trưởng Phòng	20.000	10	4.000	40.000	60.000
22	Trịnh Ngọc Lợi		Trưởng Phòng	20.000	8	4.000	32.000	52.000
23	Võ Việt Tín		Trưởng Phòng	20.000	7	4.000	28.000	48.000
24	Lê Thị Thùy Huệ		Trưởng Phòng	20.000	5	4.000	20.000	40.000
25	Nguyễn Quốc Toàn		Trưởng Phòng	20.000	5	4.000	20.000	40.000
26	Phan Quốc Dũng		Trưởng Phòng	20.000	5	4.000	20.000	40.000
27	Quách Hoa Thiên Triều		Trưởng Phòng	20.000	5	4.000	20.000	40.000
28	Huỳnh Ngọc Đức		Trưởng Phòng	20.000	3	4.000	12.000	32.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
				(1)	ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	(3) = (1) + (2)
					(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	
29	Lê Thị Mai Khanh		Trưởng Phòng	20.000	3	4.000	12.000	32.000
30	Nguyễn Thị Phương Uyên		Trưởng Phòng	20.000	3	4.000	12.000	32.000
31	Nguyễn Thanh Quang		Trưởng Phòng	20.000	2	4.000	8.000	28.000
32	Triệu Văn Hiệp		Trưởng Phòng	20.000	1	4.000	4.000	24.000
33	Nguyễn Minh Hoàng		Trưởng Phòng	20.000	1	4.000	4.000	24.000
34	Võ Tổ Quyền		Trưởng Phòng	20.000	1	4.000	4.000	24.000
35	Mạch Xuân My		Trưởng Phòng	20.000	1	4.000	4.000	24.000
36	Phạm Lê Thị Hồng Yến		Trưởng Phòng	20.000	1	4.000	4.000	24.000
37	Dương Thụy Phương Khanh		Trưởng Phòng	20.000	1	4.000	4.000	24.000
38	Nguyễn Thị Hải Vân		Trưởng Phòng	20.000	1	4.000	4.000	24.000
39	Lê Trung Hiền		Phó Phòng	15.000	10	2.000	20.000	35.000
40	Đào Công Đạt		Phó Phòng	15.000	10	2.000	20.000	35.000
41	Trần Thị Ngọc Dung		Phó Phòng	15.000	8	2.000	16.000	31.000
42	Lê Thị Thùy Diễm		Phó Phòng	15.000	7	2.000	14.000	29.000
43	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Phó Phòng	15.000	6	2.000	12.000	27.000
44	Hoàng Đức Hùng		Phó Phòng	15.000	6	2.000	12.000	27.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
					ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	
				(1)	(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	(3) = (1) + (2)
45	Nguyễn Thành Ân		Phó Phòng	15.000	5	2.000	10.000	25.000
46	Lê Anh Thông		Phó Phòng	15.000	5	2.000	10.000	25.000
47	Trần Thanh Minh		Phó Phòng	15.000	4	2.000	8.000	23.000
48	Lê Thanh Sang		Phó Phòng	15.000	4	2.000	8.000	23.000
49	Lâm Kim Ngọc		Phó Phòng	15.000	3	2.000	6.000	21.000
50	Nguyễn Văn Tiệp		Phó Phòng	15.000	3	2.000	6.000	21.000
51	Nguyễn Thị Huyền Trang		Phó Phòng	15.000	3	2.000	6.000	21.000
52	Huỳnh Ngọc Diễm Thùy		Phó Phòng	15.000	3	2.000	6.000	21.000
53	Nguyễn Đình Minh		Phó Phòng	15.000	3	2.000	6.000	21.000
54	Đoàn Hồng Minh		Phó Phòng	15.000	2	2.000	4.000	19.000
55	Lê Thị Ngọc Trâm		Phó Phòng	15.000	2	2.000	4.000	19.000
56	Trương Văn Ngọc		Phó Phòng	15.000	2	2.000	4.000	19.000
57	Nguyễn Bá Tòng		Phó Phòng	15.000	2	2.000	4.000	19.000
58	Nguyễn Khoa Bảo Linh		Phó Phòng	15.000	1	2.000	2.000	17.000
59	Liêu Kiện Toàn		Phó Phòng	15.000	1	2.000	2.000	17.000
60	Trương Minh Lợi		Phó Phòng	15.000	1	2.000	2.000	17.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
					ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	
				(1)	(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	(3) = (1) + (2)
61	Nguyễn Tuấn Thành		Phó Phòng	15.000	1	2.000	2.000	17.000
62	Nguyễn Viết Hùng		Phó Phòng	15.000	1	2.000	2.000	17.000
63	Thái Thị Quang Đào		Phó Phòng	15.000	1	2.000	2.000	17.000
64	Phạm Hồng Phú		Phó Phòng	15.000	1	2.000	2.000	17.000
65	Nguyễn Khuyến		Chuyên viên	8.000	10	1.000	10.000	18.000
66	Trần Đức Thắng		Chuyên viên	8.000	10	1.000	10.000	18.000
67	Cù Thị Phương Thúy		Chuyên viên	8.000	10	1.000	10.000	18.000
68	Nguyễn Thụy Loan Châu		Chuyên viên	8.000	8	1.000	8.000	16.000
69	Nguyễn Thị Kim Cúc		Chuyên viên	8.000	8	1.000	8.000	16.000
70	Đặng Thế Lương		Chuyên viên	8.000	7	1.000	7.000	15.000
71	Phan Thị Ngọc		Chuyên viên	8.000	7	1.000	7.000	15.000
72	Hồ Vũ Khanh		Chuyên viên	8.000	7	1.000	7.000	15.000
73	Trần Duy Đức		Chuyên viên	8.000	7	1.000	7.000	15.000
74	Ngô Phước Nguyên		Chuyên viên	8.000	7	1.000	7.000	15.000
75	Nguyễn Kim Phụng		Chuyên viên	8.000	7	1.000	7.000	15.000
76	Lê Thị Tuyết		Chuyên viên	8.000	6	1.000	6.000	14.000

58
IG
PH
KI
JH
IG
P.T

gh

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
					ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	
				(1)	(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	(3) = (1) + (2)
77	Phạm Kim Long		Chuyên viên	8.000	6	1.000	6.000	14.000
78	Nguyễn Thị Hoàng Hậu		Chuyên viên	8.000	6	1.000	6.000	14.000
79	Nguyễn Thị Hồng Việt		Chuyên viên	8.000	5	1.000	5.000	13.000
80	Khương Hữu Cường		Chuyên viên	8.000	5	1.000	5.000	13.000
81	Nguyễn Phương Bình		Chuyên viên	8.000	5	1.000	5.000	13.000
82	Huỳnh Minh Trí		Chuyên viên	8.000	5	1.000	5.000	13.000
83	Trần Thiện Luận		Chuyên viên	8.000	5	1.000	5.000	13.000
84	Nguyễn Bá		Chuyên viên	8.000	5	1.000	5.000	13.000
85	Nguyễn Vũ Xuân Hương		Chuyên viên	8.000	5	1.000	5.000	13.000
86	Phạm Thị Lan		Chuyên viên	8.000	5	1.000	5.000	13.000
87	Phạm Tiến Dũng		Chuyên viên	8.000	5	1.000	5.000	13.000
88	Nguyễn Thị Lan Hương		Chuyên viên	8.000	5	1.000	5.000	13.000
89	Nguyễn Thị Hoàng Khánh		Chuyên viên	8.000	4	1.000	4.000	12.000
90	Trần Thị Tiểu Niên		Chuyên viên	8.000	4	1.000	4.000	12.000
91	Phạm Thị Hiền		Chuyên viên	8.000	4	1.000	4.000	12.000
92	Đặng Thị Tuyết		Chuyên viên	8.000	4	1.000	4.000	12.000

gh

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
					ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	
				(1)	(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	(3) = (1) + (2)
93	Lê Đình Nhu		Chuyên viên	8.000	4	1.000	4.000	12.000
94	Nguyễn Long Việt		Chuyên viên	8.000	4	1.000	4.000	12.000
95	Phạm Nguyên Tâm		Chuyên viên	8.000	4	1.000	4.000	12.000
96	Lê Thị Tuyết Trinh		Chuyên viên	8.000	4	1.000	4.000	12.000
97	Nguyễn Quốc Cường		Chuyên viên	8.000	4	1.000	4.000	12.000
98	Lê Quang Mẫn		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
99	Nguyễn Thị Kim Hoàng		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
100	Trần Thùy Mỹ Huyền		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
101	Trương Thị Sương		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
102	Huỳnh Đỗ Nhật Bình		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
103	Dương Thị Ngọc Hằng		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
104	Lê Hữu Lợi		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
105	Nguyễn Đức Mẫn		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
106	Nguyễn Hồng Điệp		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
107	Nguyễn Thị Tú Trinh		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
108	Trần Thị Mận		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CỎ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CỎ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CỎ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
				(1)	ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỎ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỎ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	(3) = (1) + (2)
					(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	
109	Trần Nguyễn Băng Tâm		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
110	Nguyễn Trọng Trí		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
111	Trần Ngọc Nguyên		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
112	Lê Thị Phương Linh		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
113	Lê Thị Phương Thảo		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
114	Lưu Thị Xuân Lai		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
115	Mai Trần Thùy Trang		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
116	Lưu Thị Minh Hiếu		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
117	Võng Hải Ngọc		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
118	Nguyễn Nhất Hồng		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
119	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
120	Nguyễn Thị Ngân Giang		Chuyên viên	8.000	3	1.000	3.000	11.000
121	Nguyễn Thị Thu Diễm		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
122	Đỗ Thị Mỹ Lệ		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
123	Huỳnh Đức Nhật		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
124	Bùi Trí Thiện		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000



gh

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
				(1)	ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	(3) = (1) + (2)
					(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	
125	Nguyễn Thị Thu Hằng		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
126	Trần Thị Hòa		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
127	Thị Thoại Vi		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
128	Trần Thị Thảo Nguyên		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
129	Phạm Minh Anh		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
130	Nguyễn Thị Phương Thảo		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
131	Bùi Thanh Lam		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
132	Nguyễn Đình Nguyên		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
133	Vũ Toàn Thắng		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
134	Nguyễn Bá Quang		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
135	Bùi Trọng Nghĩa		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
136	Trần Đông Hạ		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
137	Trần Thị Thanh Huyền		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
138	Trần Thanh Đạt		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
139	Lương Quốc Bằng		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
140	Nguyễn Chí Thành		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000

gh

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
				(1)	ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	(3) = (1) + (2)
					(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	
141	Nguyễn Huy Đạt		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
142	Lê Thị Huỳnh Như		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
143	Nguyễn Văn Phòng		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
144	Phan Quang Minh		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
145	Đặng Thị Phương Thảo		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
146	Trần Thái Học		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
147	Nguyễn Thị Thu Hương		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
148	Đặng Thị Hương		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
149	Huỳnh Lê Tuyết Phương		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
150	Đặng Nguyễn Phi Bằng		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
151	Phạm Thị Nguyệt Ánh		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
152	Lê Thị Ngọc Bích		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
153	Lê Thị Thanh Vân		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
154	Trần Bá Khuôn		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
155	Nguyễn Thanh Tùng		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
156	Võ Văn Khánh		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
					ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	
				(1)	(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	(3) = (1) + (2)
157	Nguyễn Kiến Thức		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
158	Nguyễn Quang Sáng		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
159	Lưu Thoại Mẫn		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
160	Lê Thị Hà		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
161	Phạm Lê Phương Thy		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
162	Võ Thị Hồng Ngọc		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
163	Đặng Trần Như Linh		Chuyên viên	8.000	2	1.000	2.000	10.000
164	Nguyễn Tấn Trung		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
165	Trần Thị Minh Duyên		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
166	Quách Minh Đức		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
167	Nguyễn Trần Yến Nhi		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
168	Nguyễn Ngọc Tuấn		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
169	Văn Thị Trâm		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
170	Lê Thị Bích Loan		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
171	Trần Lê Kiều Thu		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
172	Nguyễn Thị Trúc Phương		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
				(1)	ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	(3) = (1) + (2)
					(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	
173	Vương Thị Ngọc Anh		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
174	Dương Xuân Dũng		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
175	Hồ Xuân Báu		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
176	Võ Ngọc Tấn		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
177	Ngô Văn Thông		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
178	Võ Hoàng Đan Thanh		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
179	Ngô Kiều Mi		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
180	Huỳnh Thị Thanh Diễm		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
181	Tô Ngọc Thủy Tiên		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
182	Nguyễn Thị Thanh Hằng		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
183	Huỳnh Ngọc Trà My		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
184	Phan Thị Hậu		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
185	Phan Thị Thu Dung		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
186	Nguyễn Ngọc Vi Vân		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
187	Võ Minh Tân		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
188	Lê Trường Hận		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
					ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	
				(1)	(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	(3) = (1) + (2)
189	Tạ Văn Cường		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
190	Dương Thùy Linh		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
191	Trương Minh Triều		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
192	Phạm Thúy Đạt		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
193	Nguyễn Thị Quý		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
194	Phan Thị Thu Nga		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
195	Mai Thị Tú Trinh		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
196	Nguyễn Ngọc Trâm Anh		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
197	Trần Thúy Diễm		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
198	Nguyễn Thị Thanh Ngân		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
199	Ngô Thị Bích Ngọc		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
200	Phạm Lê Hoàng Thúy		Chuyên viên	8.000	1	1.000	1.000	9.000
201	Tăng Mạnh Tú		Nhân viên	5.000	10	500	5.000	10.000
202	Đoàn Văn Sáu		Nhân viên	5.000	10	500	5.000	10.000
203	Trần Duy Tùng		Nhân viên	5.000	8	500	4.000	9.000
204	Võ Văn Phú		Nhân viên	5.000	8	500	4.000	9.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
					ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	
				(1)	(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	(3) = (1) + (2)
205	Phạm Thị Thúy Hằng		Nhân viên	5.000	8	500	4.000	9.000
206	Phạm Xuân Độ		Nhân viên	5.000	8	500	4.000	9.000
207	Bùi Tôn Thành		Nhân viên	5.000	8	500	4.000	9.000
208	Đào Ngọc Lâm		Nhân viên	5.000	7	500	3.500	8.500
209	Trần Thị Diễm Châu		Nhân viên	5.000	7	500	3.500	8.500
210	Nguyễn Văn Danh		Nhân viên	5.000	6	500	3.000	8.000
211	Phan Văn Tini		Nhân viên	5.000	6	500	3.000	8.000
212	Huỳnh Võ Thiên Minh		Nhân viên	5.000	5	500	2.500	7.500
213	Tô Bá Phương		Nhân viên	5.000	4	500	2.000	7.000
214	Nguyễn Hữu Nhân		Nhân viên	5.000	3	500	1.500	6.500
215	Lý Thị Huỳnh Hoa		Nhân viên	5.000	3	500	1.500	6.500
216	Nguyễn Minh Trung		Nhân viên	5.000	3	500	1.500	6.500
217	Nguyễn Thanh Nhân		Nhân viên	5.000	3	500	1.500	6.500
218	Trần Thanh Ngọc Phú		Nhân viên	5.000	3	500	1.500	6.500
219	Trịnh Thu Hà		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
220	Nguyễn Thái Gia Hân		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ	TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP			SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
					ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP	
				(1)	(a)	(b)	(2) = (a) * (b)	(3) = (1) + (2)
221	Nguyễn Phú Bảo		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
222	Hồ Hồng Ngọc		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
223	Đặng Ngọc Mẫn		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
224	Lê Quốc Hòa		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
225	Trần Thanh Điền		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
226	Ngô Văn Hùng		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
227	Nguyễn Duy Mỹ Hào		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
228	Nguyễn Thị Mỹ Tiên		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
229	Chu Thị Tuyết Nhung		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
230	Nguyễn Văn Thành		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
231	Nguyễn Xuân Nam		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
232	Nguyễn Hữu Trí		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
233	Lê Quốc Giàu		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
234	Nguyễn Thành Tuấn		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
235	Nguyễn Thị Mi Ly		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000
236	Phạm Xuân Cường		Nhân viên	5.000	2	500	1.000	6.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	CHỨC VỤ
237	Bùi Tiến Dũng		Nhân viên
238	Nguyễn Trần Phú		Nhân viên
239	Nguyễn Huỳnh Quang Thoại		Nhân viên
240	Lê Trung Lập		Nhân viên
241	Trần Hữu Bảo		Nhân viên
242	Đinh Công Hòa		Nhân viên
243	Nguyễn Quốc Thuần		Nhân viên
244	Đoàn Trường Sơn		Nhân viên

TIÊU CHÍ 1: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO CHỨC VỤ
(1)
5.000
5.000
5.000
5.000
5.000
5.000
5.000

TIÊU CHÍ 2: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP		
ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ CHO 01 ĐIỂM ĐÓNG GÓP	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÂN BỐ THEO MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP
(a)	(b)	(2) = (a) * (b)
2	500	1.000
2	500	1.000
2	500	1.000
2	500	1.000
2	500	1.000
2	500	1.000
2	500	1.000
2	500	1.000

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA
(3) = (1) + (2)
6.000
6.000
6.000
6.000
6.000
6.000
6.000
6.000
9.960.000


 Ngày 13 tháng 06 năm 2025
 TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 Chủ tịch HĐQT

MAI TRẦN THANH TRANG

1. C. P.
 H.
 MINH